

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trương Đình Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên	
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban	
Ông Ngô Văn Lập	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025
Bà Trương Thị Viên Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2025

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025
Bà Phạm Thị Hương Giang	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Họ và tên	Từ ngày	Đến ngày
Ông Dương Hùng Văn – Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Ngày 17 tháng 4 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Hải – Giám đốc	Ngày 17 tháng 4 năm 2025	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Thanh Hải

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

SỐ: 040/VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các Chính sách Kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

==
56
NH
HỒ
NG
KIỂM
TTC
AC
TH
==
19
IG
PH
DI
BÊ
==
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 – Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại đó Công ty trình bày các thông tin liên quan đến nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình, cũng như các ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất được hưởng theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 về dự án đầu tư đặc biệt.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		504.608.723.564	486.102.693.188
I. Tiền	110	4	183.360.249.795	40.812.328.907
1. Tiền	111		23.360.249.795	40.812.328.907
2. Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.000.000.000	307.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	37.000.000.000	307.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.261.200.447	96.308.078.909
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	53.348.831.467	59.297.916.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	94.481.463.795	8.674.631.861
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	67.962.823.915	41.867.449.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140	10	71.232.597.833	39.695.892.095
1. Hàng tồn kho	141		71.232.597.833	39.695.892.095
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.754.675.489	2.286.393.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	733.031.598	311.264.398
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.021.643.891	1.649.271.810
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	-	325.857.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		345.938.071.267	319.288.324.069
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	15.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		132.565.595.133	63.941.359.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	132.565.595.133	63.941.359.775
- Nguyên giá	222		194.078.305.674	119.377.606.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.512.710.541)	(55.436.246.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	154.924.417.203	159.659.689.059
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(74.356.369.251)	(69.621.097.395)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54.311.897.749	92.884.192.634
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	54.311.897.749	92.884.192.634
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.121.161.182	2.800.082.601
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.121.161.182	2.800.082.601
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		850.546.794.831	805.391.017.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		289.532.293.753	245.869.081.514
I. Nợ ngắn hạn	310		110.478.400.226	62.490.784.343
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	64.843.638.601	4.503.216.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	5.789.278.750	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.121.932.344	312.449.721
4. Phải trả người lao động	314		6.872.548.146	3.959.008.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	10.492.909.390	42.216.246.223
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	16.672.453.004	6.862.199.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.050.598.525	3.951.257.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		635.041.466	686.406.686
II. Nợ dài hạn	330		179.053.893.527	183.378.297.171
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	-	7.795.780
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	165.052.964.576	170.256.764.360
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	13.924.738.475	13.037.546.555
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.014.501.078	559.521.935.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	561.014.501.078	559.521.935.743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.663.108.109	15.170.542.774
- LNST chưa phân phối lũy kế đến đầu năm	421a		15.056.049.794	14.407.256.242
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.607.058.315	763.286.532
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		850.546.794.831	805.391.017.257



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	208.807.105.108	115.277.063.141
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		208.807.105.108	115.277.063.141
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	182.711.575.153	104.663.571.617
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.095.529.955	10.613.491.524
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.231.530.029	16.377.975.483
6. Chi phí tài chính	22	30	49.825.617	843.837.488
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.726.027	4.594.643
7. Chi phí bán hàng	25	31	485.370.116	582.444.108
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	25.847.161.730	25.670.700.194
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.944.702.521	(105.514.783)
10. Thu nhập khác	31	32	1.171.809.364	3.991.552.114
11. Chi phí khác	32	33	9.302.367.532	2.235.558.879
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(8.130.558.168)	1.755.993.235
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.814.144.353	1.650.478.452
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.319.894.118	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.607.058.315	763.286.532
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	32	13



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.814.144.353	1.650.478.452
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	10.811.735.807	8.584.996.631
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(82.961.813)	16.150.723
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.137.456.359)	(15.807.476.663)
- Chi phí lãi vay	06	19.726.027	4.594.643
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.425.188.015	(5.551.256.214)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(37.892.260.953)	36.472.238.004
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(31.536.705.738)	(28.132.479.930)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	74.324.331.193	(35.910.464.064)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.742.845.781)	1.090.911.210
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.726.027)	(4.594.643)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(100.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(165.858.200)	(406.543.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.392.122.509	(32.542.188.637)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(147.174.876.702)	(16.097.361.092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	6.893.940
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(285.595.547.945)	(595.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	555.595.547.945	635.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.331.968.686	16.420.336.149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	137.157.091.984	40.329.868.997
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.000.000.000	4.791.556.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.000.000.000)	(4.791.556.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.290.405)	(1.730.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.290.405)	(1.730.065)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	142.547.924.088	7.785.950.295
Tiền đầu năm	60	40.812.328.907	33.033.923.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.200)	(7.545.029)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	183.360.249.795	40.812.328.907



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4903000636 ngày 7 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 12 số 3500794814 ngày 28 tháng 4 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 71 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 68 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Mạ đánh bóng kim loại; Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; Phun cát, trộn, làm sạch kim loại (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư, Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và Pháp luật có liên quan);
- Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông;
- Xây dựng nhà để ở;
- Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan, chi tiết: Bán buôn than đá để làm nhiên liệu rắn khác, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, chi tiết: Cho thuê container, cho thuê máy móc, thuê thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, hóa chất, dầu khí không kèm người điều khiển;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn tơ, sợi, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ, thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình, Xây dựng công trình điện đến 35 KV; Xây dựng công trình điện ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng công trình đường ống dẫn xăng dầu, chất lỏng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35 KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình, cụm cảng container; Cho thuê kho bãi; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà ở và đất ở;
- Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (Vận hành khai thác cảng);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi, Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, Chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm (Tiếp theo):

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, Chi tiết: Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Chi tiết: Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết: Cho thuê các phương tiện vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Cung ứng lao động tạm thời, chi tiết: Cho thuê lại lao động;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chi tiết: - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; - Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; - Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt (Doanh nghiệp không được lập xưởng sản xuất tại các khu dân cư. Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của ngành, địa phương, được cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động và chỉ được hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo Vệ Môi Trường và Pháp luật có liên quan);
- Xây dựng nhà không để ở;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, chi tiết: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân;
- Xây dựng công trình thủy, chi tiết: Xây dựng cảng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, Chi tiết: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm nay so sánh được với số liệu năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hướng dẫn Kế toán mới đã ban hành nhưng chưa được áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, sửa chữa, dịch vụ mua ngoài khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Cảng Dầu khí và Dịch vụ năng lượng tái tạo - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Vận hành và Xây lắp PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

Tên đầy đủ	Tên viết tắt	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này		Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	90.964.566	109.214.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.269.285.229	40.703.114.827
Các khoản tương đương tiền (i)	160.000.000.000	-
Cộng	183.360.249.795	40.812.328.907

Ghi chú:

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn 02 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	35.000.000.000	35.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	115.000.000.000	115.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Côn Đảo	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000	307.000.000.000	307.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,80% đến 5,10%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các Bên liên quan	24.192.711.984	18.881.773.432
<i>a1. Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)</i>	<i>22.394.718.282</i>	<i>15.333.185.843</i>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.667.557.364	164.856.710
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng hải	14.277.569.898	829.232.358
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5.449.591.020	14.339.096.775
<i>a2. Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)</i>	<i>1.797.993.702</i>	<i>3.548.587.589</i>
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.797.993.702	3.548.587.589
b) Phải thu của khách hàng khác	29.156.119.483	40.416.142.998
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	15.009.814.070	26.341.034.185
Khách hàng khác	614.386.683	543.190.083
Cộng	53.348.831.467	59.297.916.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA E & C	44.690.307.214	5.759.580.756
Công ty TNHH Hạ tầng Xây dựng Đại Nam	32.103.611.076	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật BMC	9.167.777.813	-
Công ty TNHH Xây dựng An Lạc	-	2.510.451.426
Nhà cung cấp khác	8.519.767.692	404.599.679
Cộng	94.481.463.795	8.674.631.861

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	67.962.823.915	41.867.449.348
a1. Doanh thu trích trước từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	66.342.538.256	37.860.373.422
<i>Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan</i>	<i>43.400.177.714</i>	<i>23.867.751.090</i>
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	490.553.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	179.750.000	4.959.615
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	42.729.874.714	23.862.791.475
+ Tiền thuê đất (i)	40.931.919.380	20.904.729.180
+ Phí quản lý	-	2.090.472.916
+ Trích trước tiền điện, nước	1.797.955.334	867.589.379
<i>Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) - Bên liên quan</i>	<i>22.942.360.542</i>	<i>13.992.622.332</i>
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	22.942.360.542	13.992.622.332
+ Trích trước tiền thuê đất (i)	21.198.409.485	12.095.270.820
+ Phí quản lý	1.209.527.082	1.209.527.082
+ Trích trước tiền điện, nước	534.423.975	687.824.430
a2. Phải thu ngắn hạn khác	1.620.285.659	4.007.075.926
Ông Trần Đức Hạnh - Bên liên quan	-	142.682.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.536.610.961	3.731.123.288
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	83.674.698	133.270.638
b) Phải thu dài hạn khác	15.000.000	3.000.000
Ký cược, Ký quỹ	15.000.000	3.000.000
Cộng	67.977.823.915	41.870.449.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (i) Từ năm 2024, Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền thuê đất giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 02 năm 2015) mà Công ty đã thực nộp vào Ngân sách Nhà nước cho hai đơn vị là Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") căn cứ theo các thỏa thuận cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, cụ thể: Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") theo Hợp đồng số CN0107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2007 và Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") theo Hợp đồng số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010, trong đó, giá thuê sẽ bao gồm các chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất mà Công ty phải trả cho Chi cục thuế Cơ sở 24 Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định cộng với 10% chi phí quản lý (Giá thuê bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cộng với các khoản chi phí sử dụng đất phải nộp cho địa phương theo quy định), tuy nhiên, kể từ khi Công ty ký hợp đồng cho thuê mặt bãi với PV Shipyard và PVC-MS, giá trị cho thuê chỉ tính toán trên giá trị đầu tư hạ tầng là chính, còn chi phí thuê và sử dụng đất phải đóng cho địa phương chưa đưa vào vì chưa có các thông báo của cơ quan thuế.

Tổng giá trị tiền thuê đất liên quan mà Công ty đã thực hiện tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 94.178.301.214 VND. Đồng thời, Công ty đã phân bổ tiền thuê đất phải thu hồi lại từ các bên có liên quan với tổng số tiền là 92.130.328.864 VND.

Tình hình phân bổ và thu hồi lại nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tới ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các bên có liên quan như sau:

Đối tượng	Tiền thuê đất phải thu hồi	Tiền đã thu hồi đến ngày 31/12/2025	Tiền còn phải thu hồi
	VND	VND	VND
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	32.194.110.231	10.995.700.746	21.198.409.485
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)	59.936.218.634	19.004.299.254	40.931.919.380
Cộng	92.130.328.865	30.000.000.000	62.130.328.865

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các Công ty này để thực hiện thu hồi các nghĩa vụ nợ liên quan.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	55.452.600.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.649.970.367	-	-	-
Hàng hóa	130.027.466	-	39.695.892.095	-
Cộng	71.232.597.833	-	39.695.892.095	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	733.031.598	311.264.398
Hóa chất xuất dùng	192.725.590	-
Phí bảo hiểm, kiểm định	252.668.280	211.819.896
Chi phí khác	287.637.728	99.444.502
b) Dài hạn	4.121.161.182	2.800.082.601
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	569.856.977	281.552.143
Chi phí sửa chữa tài sản	1.541.318.482	2.203.693.748
Khác	2.009.985.723	314.836.710
Cộng	4.854.192.780	3.111.346.999

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	319.756.995	319.756.995	-	-
Các loại thuế khác	6.100.074	6.100.074	-	-
Cộng	325.857.069	325.857.069	-	-
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	445.860.228	445.860.228	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	4.634.267.251	4.634.267.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.995.291	3.995.291	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.000.137.123	-	1.000.137.123
Thuế thu nhập cá nhân	312.449.721	979.215.833	1.169.870.333	121.795.221
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	-	64.178.301.214	64.178.301.214	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	155.559.429	155.559.429	-
Cộng	312.449.721	71.397.336.369	70.587.853.746	1.121.932.344

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước trong năm 2025 về tiền thuê đất đối với khu đất tại phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích 819.325,4 m² cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này).

Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản tiền Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách Nhà nước liên quan tới tiền thuê đất cho giai đoạn ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015 là 94.178.301.214 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	75.565.635.984	2.931.159.259	6.278.418.313	192.540.000	34.409.852.809	119.377.606.365
- Mua trong năm	-	-	1.370.000.000	380.268.000	-	1.750.268.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	72.950.431.309	-	-	-	-	72.950.431.309
Số dư cuối năm	<u>148.516.067.293</u>	<u>2.931.159.259</u>	<u>7.648.418.313</u>	<u>572.808.000</u>	<u>34.409.852.809</u>	<u>194.078.305.674</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	18.976.600.317	882.606.039	3.616.131.124	125.482.013	31.835.427.097	55.436.246.590
- Khấu hao trong năm	4.061.849.553	165.217.284	605.490.656	55.371.730	1.188.534.728	6.076.463.951
Số dư cuối năm	<u>23.038.449.870</u>	<u>1.047.823.323</u>	<u>4.221.621.780</u>	<u>180.853.743</u>	<u>33.023.961.825</u>	<u>61.512.710.541</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	<u>56.589.035.667</u>	<u>2.048.553.220</u>	<u>2.662.287.189</u>	<u>67.057.987</u>	<u>2.574.425.712</u>	<u>63.941.359.775</u>
Số dư cuối năm	<u>125.477.617.423</u>	<u>1.883.335.936</u>	<u>3.426.796.533</u>	<u>391.954.257</u>	<u>1.385.890.984</u>	<u>132.565.595.133</u>

Nguyên giá của các Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 39.391.184.881 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 32.754.160.770 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Số dư cuối năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
Số dư cuối năm	<u>53.372.880</u>	<u>53.372.880</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 53.372.880 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	<u>229.280.786.454</u>	<u>229.280.786.454</u>
Số dư cuối năm	<u>229.280.786.454</u>	<u>229.280.786.454</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	<u>69.621.097.395</u>	<u>69.621.097.395</u>
- Khấu hao trong năm	<u>4.735.271.856</u>	<u>4.735.271.856</u>
Số dư cuối năm	<u>74.356.369.251</u>	<u>74.356.369.251</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	<u>159.659.689.059</u>	<u>159.659.689.059</u>
Số dư cuối năm	<u>154.924.417.203</u>	<u>154.924.417.203</u>

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	<u>Nguyên giá</u>
	<u>VND</u>
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	<u>131.881.668.267</u>
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	<u>97.399.118.187</u>
Cộng	<u>229.280.786.454</u>

Ghi chú:

- (i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2009 (Hợp đồng kinh tế số 0107001/HĐKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.
- (ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2010 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010 (Hợp đồng nguyên tắc số 23/PVSB-PVC/12-09/M ngày 11 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)****Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản đầu tư tương tự làm cơ sở ước tính giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này, nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không được trình bày trên Báo cáo tài chính được lập.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	37.938.201.419	38.611.148.885
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	3.566.009.572	41.465.356.991
Dự án Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Di dời, lắp đặt Nhà xưởng hiện hữu (iii)	12.725.868.576	12.725.868.576
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Cộng	54.311.897.749	92.884.192.634

Ghi chú:

- (i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại Thuyết minh số 37).
- (ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Trong năm, Công ty đã hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng Phân khu 1 - Phân kỳ 2 cho diện tích 5,2 ha. Cho đến hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai san lấp hạng mục tiếp theo.
- (iii) Đây là chi phí liên quan hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”, bao gồm phần giá trị chuyển từ tài sản cố định trong kỳ (xem Thuyết Minh số 13). Giá trị hạng mục này sẽ được tập hợp và phân bổ khi Dự án Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)” thực hiện hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các Bên liên quan	10.583.686.172	10.583.686.172	354.735.052	354.735.052
<i>a1. Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)</i>	<i>306.107.706</i>	<i>306.107.706</i>	<i>354.735.052</i>	<i>354.735.052</i>
- Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	306.107.706	306.107.706	-	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	-	354.735.052	354.735.052
<i>a2. Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) - Bên liên quan</i>	<i>10.277.578.466</i>	<i>10.277.578.466</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	10.277.578.466	10.277.578.466	-	-
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	54.259.952.429	54.259.952.429	4.148.480.964	4.148.480.964
Little Tiger International Limited	36.927.800.000	36.927.800.000	-	-
Công ty TNHH Hải Lưu	9.767.126.037	9.767.126.037	36.525.773	36.525.773
Techcrane International, LLC	-	-	3.372.567.196	3.372.567.196
Nhà cung cấp khác	7.565.026.392	7.565.026.392	739.387.995	739.387.995
Cộng	64.843.638.601	64.843.638.601	4.503.216.016	4.503.216.016

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC - Bên liên quan	4.893.760.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan	895.518.750	-
Cộng	5.789.278.750	-

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.492.909.390	42.216.246.223
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.858.859.261	170.565.000
Trích trước chi phí thi công san lấp mặt bằng	-	37.524.409.993
Chi phí khác	6.634.050.129	4.521.271.230
b) Dài hạn	-	7.795.780
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	-	7.795.780
Cộng	10.492.909.390	42.224.042.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.672.453.004	6.862.199.784
<i>a1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là các Bên liên quan</i>	<i>16.167.356.384</i>	<i>6.862.199.784</i>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	1.440.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	2.186.441.697	2.186.441.697
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	10.963.556.600	218.400.000
<i>a2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	<i>505.096.620</i>	<i>-</i>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	505.096.620	-
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	165.052.964.576	170.256.764.360
<i>b1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là các Bên liên quan</i>	<i>165.052.964.576</i>	<i>170.256.764.360</i>
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	93.538.100.715	96.555.458.802
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (ii)	71.514.863.861	73.701.305.558
Cộng	181.725.417.580	177.118.964.144

Ghi chú:

- (i) Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước từ Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí theo Hợp đồng cho thuê số CN107001/HDKT-PVSB ngày 06 tháng 12 năm 2017, ký giữa Công ty (Bên cho thuê) và Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Bên thuê). Tài sản cho thuê tại là cơ sở hạ tầng nằm trong khu đất quy hoạch Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) với diện tích thuê là 39,8 ha, thời gian thuê tính từ ngày bàn giao đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2057. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước cho thời gian thuê còn lại của hợp đồng là 96.555.458.802 VND.
- (ii) Tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước từ Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí theo Hợp đồng thuê số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09 tháng 8 năm 2010, ký giữa Công ty (Bên cho thuê) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Bên đi thuê). Tài sản cho thuê là cơ sở hạ tầng nằm trong khu đất quy hoạch Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình, thành phố Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 07 năm 2025) với diện tích thuê là 23ha, thời gian thuê là 49 năm kể từ ngày bàn giao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng tiền cho thuê cơ sở hạ tầng nhận trước cho thời gian thuê còn lại của hợp đồng là 73.701.305.558 VND.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.947.359.025	3.948.649.430
Các khoản phải trả khác	103.239.500	2.608.245
Cộng	4.050.598.525	3.951.257.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.037.546.555	12.150.354.635
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.920	887.191.920
Số dư cuối năm	13.924.738.475	13.037.546.555

Thuế thu nhập hoàn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	44.351.392.969	14.870.140.296	559.221.533.265
Lãi trong năm	-	-	763.286.532	763.286.532
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(462.884.054)	(462.884.054)
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	44.351.392.969	15.170.542.774	559.521.935.743
Lãi trong năm	-	-	1.607.058.315	1.607.058.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(114.492.980)	(114.492.980)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	44.351.392.969	16.663.108.109	561.014.501.078

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết số 112/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 với số tiền là 114.492.980 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đồng Dolla (USD)	100	100

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000
Cộng	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	502.499.468.008	34.485.311.007	82.666.985.156	619.651.764.171
Tài sản không phân bổ				230.895.030.660
Tổng tài sản				850.546.794.831
Nợ phải trả bộ phận	188.904.051.343	36.183.805.114	44.735.454.916	269.823.311.373
Nợ phải trả không phân bổ				19.708.982.380
Tổng nợ phải trả				289.532.293.753
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
Tại ngày 01/01/2025	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	362.941.443.767	13.906.171.938	73.081.741.677	449.929.357.382
Tài sản không phân bổ				355.461.659.875
Tổng tài sản				805.391.017.257
Nợ phải trả bộ phận	228.692.378.893	7.795.780	7.609.849.771	236.310.024.444
Nợ phải trả không phân bổ				9.559.057.070
Tổng nợ phải trả				245.869.081.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Năm 2025	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	65.340.742.149	89.683.004.330	53.783.358.629	208.807.105.108
Giá vốn	(48.434.793.687)	(83.694.933.143)	(50.581.848.323)	(182.711.575.153)
Kết quả kinh doanh bộ phận	16.905.948.462	5.988.071.187	3.201.510.306	26.095.529.955
Chi phí không phân bổ				(26.332.531.846)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(237.001.891)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				12.181.704.412
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				11.944.702.521
Lợi nhuận khác				(8.130.558.168)
Lợi nhuận trước thuế				3.814.144.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.319.894.118)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				1.607.058.315
Thông tin khác				
Khấu hao				10.811.735.807
Năm 2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	32.387.394.311	23.998.282.066	58.891.386.764	115.277.063.141
Giá vốn	(26.745.566.100)	(21.741.357.866)	(56.176.647.651)	(104.663.571.617)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.641.828.211	2.256.924.200	2.714.739.113	10.613.491.524
Chi phí không phân bổ				(26.253.144.302)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(15.639.652.778)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				15.534.137.995
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(105.514.783)
Lợi nhuận khác				1.755.993.235
Lợi nhuận trước thuế				1.650.478.452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				763.286.532
Thông tin khác				
Khấu hao				8.584.996.631

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	25.153.111.734	11.756.797.184
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	89.683.004.330	23.998.282.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	49.199.318.596	46.444.564.038
Doanh thu bán hàng hóa	44.771.670.448	33.077.419.853
Cộng	208.807.105.108	115.277.063.141

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	12.628.895.949	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	83.694.933.143	21.741.357.866
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	44.219.760.935	46.373.448.218
Giá vốn bán hàng hóa	42.167.985.126	31.813.493.677
Cộng	182.711.575.153	104.663.571.617

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.306.660.823	2.042.879.690
Chi phí nhân công	49.561.664.582	44.207.637.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.811.735.807	8.584.996.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.999.673.618	28.440.427.188
Chi phí khác	13.330.546.083	5.398.737.904
Cộng	177.010.280.913	88.674.679.245

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	12.137.456.359	15.800.582.723
Lãi chênh lệch tỷ giá	94.073.670	577.392.760
Cộng	12.231.530.029	16.377.975.483

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.726.027	4.594.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.099.590	839.242.845
Cộng	49.825.617	843.837.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	485.370.116	582.444.108
Cộng	485.370.116	582.444.108
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	16.143.231.150	15.685.813.194
Chi phí vật liệu quản lý	1.434.541.098	1.045.575.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	939.419.742	1.521.283.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.450.591	2.544.866.600
Các khoản chi phí QLDN khác	5.500.519.149	4.873.160.933
Cộng	25.847.161.730	25.670.700.194

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	6.893.940
Thu tiền phạt giao hàng chậm	1.166.752.614	984.658.116
Thu nhập từ 10% chi phí quản lý tiền thuê đất	-	2.999.999.998
Thu nhập khác	5.056.750	60
Cộng	1.171.809.364	3.991.552.114

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt giao hàng chậm	2.642.133.252	2.234.986.659
Chi phí chậm nộp tiền thuê đất (i)	6.634.050.129	572.219
Chi phí khác	26.184.151	1
Cộng	9.302.367.532	2.235.558.879

- (i) Đây là khoản tiền chậm nộp tiền thuê đất cho giai đoạn 01 từ 2008 đến 2015 của Công ty đã tạm tính và ghi nhận trong năm, như trình bày tại thuyết minh số 37.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.814.144.353	1.650.478.452
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.791.871.577	(2.588.849.995)
Trừ: Chi phí được khấu trừ	(4.526.031.752)	(4.974.956.654)
- Chênh lệch khấu hao	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- Quỹ lương dự phòng năm trước chuyển sang thực hiện năm nay	(82.523.923)	(445.734.750)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm trước	(7.545.029)	(93.262.304)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm nay	(3.200)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	9.317.903.329	2.386.106.659
Thu nhập chịu thuế	8.606.015.930	(938.371.543)
Chuyển lỗ	(2.006.545.341)	-
Thu nhập tính thuế	6.599.470.589	(938.371.543)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.319.894.118	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định nghĩa vụ thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế TNDN sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.607.058.315	763.286.532
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(114.492.980)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.607.058.315	648.793.552
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	13

Ghi chú:

- (i) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2025, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 114.492.980 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số Nghị Quyết số 112/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 05 năm	16.013.700.000	16.606.800.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

37. THÔNG TIN KHÁC

a. Thông tin về các khoản tiền thuê đất

Liên quan đến nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất của Dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 01 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 12 tháng 02 năm 2015):

Giai đoạn trước khi có Quyết định của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (đơn vị hành chính trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) về việc cho thuê đất đợt 1. Cơ quan thuế xác định tổng số tiền thuê đất phải nộp cho giai đoạn này là 127.831.054.199 VND và tiền chậm nộp là 38.656.110.790 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nộp tiền thuê đất với tổng số tiền 94.178.301.214 VND (trong đó giá trị đã nộp trong năm 2024 là 30.000.000.000 VND và nộp trong 06 tháng đầu năm 2025 là 64.178.301.214 (Xem thuyết minh số 11)) và Công ty đã tính phân bổ nghĩa vụ liên quan tiền thuê đất đã nộp này với tổng số tiền là 92.130.328.865 VND cho các đơn vị thuê đất là Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (“PVC-MS”); Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“PV Shipyard”) như trình bày tại thuyết minh số 07, phần còn lại tương ứng 2.047.972.349 VND đã được Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm 2025.

Căn cứ tình hình sử dụng đất thực tế, Công ty tự xác định nghĩa vụ tiền thuê đất phải nộp trong giai đoạn này tương ứng với số tiền đã nộp nêu trên và đã ghi nhận khoản tiền chậm nộp liên quan là 6.634.050.129 VND (xem Thuyết minh số 17). Tổng số tiền thuê đất còn lại chưa nộp (tương đương 33.652.752.985 VND) và số tiền chênh lệch chậm nộp tiền thuê đất tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tương đương 36.222.060.651 VND) là 69.874.813.646 VND đang được Công ty làm việc với các cơ quan chức năng để xem xét điều chỉnh. Sự khác biệt giữa số liệu Công ty xác định và số liệu do cơ quan thuế xác định chủ yếu phát sinh từ sự khác biệt trong việc xác định diện tích và thời gian sử dụng đất thực tế của dự án làm cơ sở tính tiền thuê đất.

Ngoài ra, theo thông báo số 1498/TB-TPHCM ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Cục thuế Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi các thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Công ty thì thông báo liên quan đến tiền thuê đất của Giai đoạn 01 với số tiền 127.831.054.199 VND cũng nằm trong danh sách được thu hồi. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để thống nhất diện tích đất mà Công ty sử dụng thực tế trong giai đoạn 2008 - 2015, cũng như các nghĩa vụ về tiền thuê đất, tiền chậm nộp (nếu có). Công ty sẽ điều chỉnh các chênh lệch nghĩa vụ tài chính liên quan khi có kết luận chính thức từ cơ quan có thẩm quyền.

- Giai đoạn 02 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến ngày 11 tháng 02 năm 2018):

Công ty đã được cơ quan thuế ban hành quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Giai đoạn 03 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018):

Trước đây, cơ quan thuế đã ban hành các thông báo xác định nghĩa vụ tiền thuê đất đối với giai đoạn này với số tiền tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 546.094.317.465 VND.

Tuy nhiên, theo Thông báo số 1498/TB-TPHCM ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi các thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Công ty tương ứng với số tiền thuê đất nêu trên với lý do căn cứ Phiếu chuyển thông tin số 17577/PCTT-SNNMT-QLĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Nông Nghiệp và Môi trường để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Công ty miễn giảm tại Mục (iv) Nội dung miễn tiền thuê đất theo ngành nghề ưu đãi từ như sau: “Thời gian áp dụng là 11 năm kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018 đến ngày 13 tháng 02 năm 2029”.

Theo đó, Công ty xác định dự án thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất trong giai đoạn này. Cũng theo thông báo nêu trên, trong quá trình thực hiện, cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện Công ty không đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi việc miễn tiền thuê đất và chuyển thông tin cho cơ quan thuế để phối hợp tính, thu, nộp số tiền thuê đất phải nộp (Không được miễn) theo chính sách giá đất tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định cho thuê đất và khoản tiền tương đương với tiền chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh BR - VT đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Tháng 10 năm 2022, Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí SM - BĐ theo quy định của Luật đầu tư 2020 và nộp đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được xem xét thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư.

Từ giai đoạn đó đến nay, Công ty đã bổ sung và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh chủ trương dự án theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời thực hiện nộp lại. Tuy nhiên, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, do có sự thay đổi về địa giới hành chính, Công ty đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nộp lại hồ sơ dự án đầu tư, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6, 8, 17, 18, 20 và 23; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<u>Doanh thu</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	34.721.949.156	53.476.040.647
PTSC - M&C	87.544.221.510	-
PV Shipyard	24.735.806.739	13.995.155.770
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	14.417.376.743	6.466.449.001
<u>Mua hàng hóa, dịch vụ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	1.631.249.273	236.300.000
PTSC - SB	12.952.320.857	108.862.500
PV Shipyard	625.271.091	983.935.128
<u>Thu tiền bán hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	45.251.175.687	132.647.603.733
PTSC - M&C	97.740.343.726	4.634.784.632
PV Shipyard	18.907.298.606	16.120.532.657
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	15.103.955.196	6.890.917.451
<u>Thanh toán tiền mua hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	3.740.390.460	123.478.770
PTSC - Hotel	1.426.265.093	255.359.523
<u>Chi hộ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	5.000.000	1.527.545.825
<u>Bù trừ công nợ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PV Shipyard	1.002.586.012	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý được hưởng trong năm như sau:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
I.	Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		1.741.501.883	1.819.715.464
1	Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
2	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	237.057.145	378.245.498
3	Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	657.926.874	-
4	Ông Trần Xuân Tài	Thành viên HĐQT	42.000.000	36.000.000
4	Ông Trương Đình Tri	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
5	Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
7	Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	18.000.000	36.000.000
8	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	-	618.104.737
9	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	678.517.864	691.365.229
II.	Ban kiểm soát		568.793.956	615.639.919
III.	Kế toán trưởng		182.205.990	584.925.351
1	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	182.205.990	584.925.351
	Cộng		2.492.501.829	3.020.280.734

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 1.536.610.961 VND (năm 2024: 3.731.123.288 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 3.900.785.146 VND (năm 2024: 36.633.369.500 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng đã bao gồm 86.583.920.106 VND (năm 2024: 8.270.032.182 VND) là khoản tiền ứng trước mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được ghi nhận trong năm sau. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và tăng, giảm các khoản phải thu.



Nguyễn Thanh Hải
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3
năm 2026

Phạm Thị Hương Giang
Phụ trách kế toán

Dương Công Thành
Người lập biểu